|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG MN HOA HƯƠNG DƯƠNG**  **TỔ KHỐI LÁ VÀ CHỒI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Thiện An, ngày 15 tháng 10 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC**

**TỔ CHUYÊN MÔN KHỐI CHỒI VÀ LÁ NĂM HỌC 2022– 2023**

*Căn cứ kế hoạch Số 22****/****KH-HHD, ngày 10 tháng 10 năm 2022 kế hoạch thực hiện công tác chuyên môn năm học 2022 – 2023 của trường mầm non Hoa Hướng Dương.*

*Căn cứ kế hoạch Số 23****/****KH-HHD, ngày 13 tháng 10 năm 2022 kế hoạch chuyên môn năm học 2022 – 2023 của trường mầm non Hoa Hướng Dương*

*Căn cứ tình hình thực tế của tổ khối chồi và lá xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ năm học cụ thể như sau:*

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Đặc điểm tình hình chung:**

 - Tổ khối chồi và khối lá: gồm có 6 giáo viên

  - Tổng số lớp: 3 lớp/ 88 trẻ

   - CSVC:  Tổng số phòng học 3 phòng

**2.Thuận lợi:**

- Nhà trường quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất tương đối, chỉ đạo sâu sắc kịp thời

- Giáo viên được đào tạo chuẩn về chuyên môn

- Phòng lớp đủ ánh sáng và sạch sẽ thoáng mát

- Đa số phụ huynh có nhận thức hiểu biết về tầm quan trọng chăm sóc, giáo dục trẻ toàn diện nên rất quan tâm đến việc học của trẻ

**3.Khó khăn:**

- Có một số giáo viên trẻ và 1 số giáo viên lớn tuổi và giáo viên trẻ mới ra trường chưa thành thạo trong sử dụng công nghệ thông tin chưa nắm vững phương pháp tổ chức các hoạt động giảng dạy, chưa biết cách lồng ghép các chuyên đề vào bài soạn, chưa sáng tạo trong việc sử dụng nguyên vật liệu mở làm đồ dùng đồ chơi dạy học, khi tổ chức các hoạt động giáo dục và soạn giảng còn gặp nhiều khó khăn. Một số lớp còn thiếu đồ dùng đồ chơi theo thông tư 02

**II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDMN.

2. Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ em, tổ chức nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chương trình GDMN trong bối cảnh mới.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, tiếp tục triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm (LTLTT) giai đoạn 2021-2025”.

4. Tiếp tục thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện".

5. Tiếp tục thực hiện công tác phát triển mạng lưới trường, lớp, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ em năm tuổi (PCGDMNTNT), thực hiện phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo (PCGDMNTEMG); phát triển GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi.

6. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN.

**II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giáo dục** về GDMN

*1.1. Triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN*

- Giáo viên thực hiện nghiêm túc các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo về GDMN[[1]](#footnote-2).

- Theo dõi, cập nhật thời các nội dung quy định chính sách hỗ trợ giáo viên, nhân viên trong cơ sở GDMN theo Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ giáo viên, nhân viên trong các cơ sở GDMN gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày27/4/2022 của Chính phủ về tín dụng đối với cơ sở GDMN bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

*1.2. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình*

- Về quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, người học, cơ quan quản lý; tăng cường sự tham gia của gia đình và xã hội trong giám sát các hoạt động của cơ sở giáo dục; tăng cường công tác đối thoại giữa nhà trường với cha mẹ trẻ và các tổ chức, cá nhân liên quan về các vấn đề xã hội đang quan tâm. Giáo viên lập kế hoạch, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), công nghệ số trong GDMN; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và thực hiện công khai theo qui định.

- Tăng cường đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn bảo đảm quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở GDMN; Sử dụng hệ thống hồ sơ sổ sách đúng quy định, khoa học, tinh gọn, hiệu quả đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ trong cơ sở GDMN. Thực hiện các biện pháp chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ sổ sách trong cơ sở GDMN[[2]](#footnote-3).

*1.3. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với giáo viên*

- Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với giáo viên trong nhà trường theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho giáo viên mầm non; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, thực chất, hiệu quả nhằm mục đích thực hiện nghiêm túc các quy định và nâng cao chất lương thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong cơ sở GDMN.

**\* Biện pháp thực hiện:**

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên môn theo kế hoạch kết hợp với công tác kiểm tra đột xuất các hoạt động trong nhà trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với giáo viên vi phạm; xử lý nghiêm những cá nhân vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện xây dựng kế hoạch, tổ chức sinh hoạt chuyên môn đảm bảo quy định, linh hoạt, sáng tạo, không bắt giáo viên mở các loại hồ sơ sổ sách không đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong nhà trường.

**2. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn gia**

- Chỉ đạo giáo viên duy trì sĩ số học sinh trong lớp. Tiếp tục nhận trẻ vào lớp để đảm bảo chỉ tiêu trên giao.

- Tham mưu với nhà trường mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị; sách, tài liệu phù hợp với thực hiện nội dung chương trình GDMN, đáp ứng với nhu cầu thực tế của trẻ em.

- Giáo viên trong tổ tích cực tham gia hội thi “Làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo bậc học mầm non” cấp thị, cấp tỉnh nhằm đẩy mạnh phòng trào tự làm đồ dùng, đồ chơi; tạo được nguồn lực phong phú, đa dạng về đồ dùng dạy học và đồ chơi tự tạo, từng bước đáp ứng đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi tối thiểu cho GDMN theo quy định.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện duy trì kết quả và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Tiếp tục thực hiện cải tiến chất lượng các tiêu chí: Tiêu chí; 2.2 tiêu chuẩn 2. Tiêu chí 5.1; 5.2; 5.3; 5.4 tiêu chuẩn 5.

**\* Biện pháp thực hiện:**

- Chỉ đạo GV làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng bữa ăn tạo lòng tin với phụ huynh để phụ huynh yên tâm đưa trẻ tới trường.

- Phối hợp với ban ngành, địa phương, phụ huynh thực hiện tốt công tác huy động trẻ đến trường.

**3. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2030**

3.1. Tham mưu nhà trường mua sắm, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi. Phối hợp tốt với các đơn vị trường học trên địa bàn thực hiện có hiệu quả PCGDMNTNT.

3.2. Chỉ đạo giáo viên trong tổ thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập đầu năm học.

**\* Biện pháp thực hiện.**

- Chỉ đạo, phân công giáo viên tham gia điều tra PC GDMNTNT. Phối hợp với giáo viên chuyên trách PCGD của phường cập nhật đầy đủ số liệu theo quy định đảm bảo tính chính xác.

**4. Nâng cao chất lượng hoạt động, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em**

*4.1. Sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ*

- Giáo viên trong tổ chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; phối hợp với trạm y tế phường trong việc thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh (dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác…), bảo đảm các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị trong phòng chống dịch bệnh. Xây dựng các phương án sẵn sàng ứng phó với những diễn biến phức tạp, đảm bảo thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; tiếp tục đưa các nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ” vào nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường; Phối hợp với Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 2 của tỉnh tập huấn kiến thức, kĩ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho cán bộ giáo viên, nhân viên theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường; quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo đảm cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, đa dạng thực phẩm và phù hợp với cá nhân trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non. Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhà trường; bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn cho giáo viên trong công tác đảm bảo an toàn, phòng chống bạo lực học đường, tổ chức ăn bán trú, giáo dục an toàn giao thông, lồng ghép nội dung giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng dẫn của phòng GD&ĐT và Sở GD&ĐT phù hợp với thực tế của nhà trường.

- Thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ; thường xuyên kiểm tra, giám sát, các lớp học, đồ dùng, đồ chơi nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ; xử lý nghiêm theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật đối với cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ.

**\* Biện pháp thực hiện**

- Tổ chức thực hiện rà soát các tiêu chí về trường học an toàn theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDM; Triển khai cho giáo viên thực hiện ký cam kết về thực hiện trường học an toàn. Đưa các tiêu chí về trường học an toàn vào quy chế xếp loại thi đua của nhà trường.

*4.2. Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em.*

**\* Công tác nuôi dưỡng**

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, luyện tập một số thói quen tốt về tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe cho trẻ em; phối hợp với Trạm y tế phường thực hiện tốt công tác y tế trường học, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới; tăng cường các hoạt động vệ sinh, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe.

- Xây dựng kế hoạch, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; học hỏi kinh nghiệm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các trường trên địa bàn; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng

- Phối hợp với phụ huynh xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì; đa dạng các hình thức tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng chống dịch bệnh

- Thực hiện nghiêm túc các quy định trong quản lý chăm sóc nuôi dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn nước theo quy định, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh. Lưu ý một số điểm sau: Đeo khẩu trang khi chế biến, chia ăn; lưu nghiệm sữa bột công thức cần lưu nghiệm riêng sữa và nước dùng để pha sữa. Danh mục thuốc và điện thoại liên hệ khi cần.

- 100% trẻ ăn ngủ tại trường, được ăn đủ lượng và chất, không xảy ra ngộ độc và dịch bệnh trong nhà trường.

- 100% giáo viên không vi phạm khẩu phần ăn của trẻ dưới mọi hình thức.

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt thực hiện đề án sữa học đường đạt mục tiêu trên 97% trẻ mẫu giáo trên toàn trường được uống sữa bột. Thống nhất bắt đầu uống sữa học đường từ đầu năm học đến hết năm học.

-  Đảm bảo mức ăn của trẻ: 21.000đ/ngày

- Thực đơn: Tham mưu với nhà trường xây dựng thực đơn, khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi theo quy định của Chương trình GDMN. Có các hoạt động can thiệp, điều chỉnh chế độ ăn, giảm tỷ lệ SDD, béo phì.

- Đảm bảo thời gian tổ chức giờ ăn cho trẻ, đặc biệt là bữa ăn chính buổi chiều của trẻ.

- 100% trẻ được uống đủ nước, nhiệt độ nước phù hợp thời tiết, hướng dẫn trẻ sử dụng.

**+ Biện pháp thực hiện**

- Phối hợp với ngành y tế phường Thiện An thực hiện công tác vệ sinh, tẩy trùng trường, lớp học, đồ dùng, đồ chơi và các yêu cầu về phòng chống dịch Covid-19 ; bệnh đậu mùa khỉ; bệnh sốt xuất huyết và các dịch bệnh khác theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ GDĐT trong các cơ sở GDMN.

- Chỉ đạo giáo viên phối hợp với phụ huynh trong việc phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì…thực hiện cân đo biểu đồ đúng quy định.

- Chỉ đạo giáo viên, thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, bếp ăn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu về điều kiện an toàn thực phẩm không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong nhà trường.

- Tổ chức cho trẻ học aerobic để nâng cao thể lực cho trẻ

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng trẻ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh.

- Tuân thủ các quy định VSATTP của cơ quan y tế, cơ quan quản lý trên địa bàn.

- Thực hiện sử dụng phần mềm QL nuôi dưỡng được Bộ GDĐT thẩm định.

- Vận động phụ huynh cho trẻ mẫu giáo tham gia uống sữa học đường. Tổ chức cho trẻ uống sữa học đường vào buổi sáng sau khi kết thúc 1 hoạt động học.

- Tuyên truyên bằng hình ảnh cho cha mẹ trẻ và cộng đồng về thực đơn ăn bán trú, các điều kiện, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ... tại bảng thông tin tuyên truyền và zalo nhóm lớp.

- Tổ khối giám sát giáo viên việc thực hiện đúng các nguyên tắc quản lý nuôi dưỡng. Đảm bảo quản lý chặt chẽ khẩu phần ăn của trẻ.

- Phối hợp với ban thanh tra nhân dân và công đoàn tham gia giám sát quá trình giao nhận thực phẩm tại bếp ăn của trường.

- Chia khẩu phần ăn: đủ định lượng xuất ăn hàng ngày của trẻ. Không để thừa để thiếu.

- Chăm sóc trẻ các giờ ăn hàng ngày để động viên trẻ ăn hết xuất. Với trẻ

SDD, thấp còi nên cho ngồi bàn riêng để cô tiện chăm sóc, với cháu TC-BP

cho ăn nhiều rau xanh, giảm bớt tinh bột, tăng cường các vận động vừa sức.

- Đảm bảo đủ nước uống vệ sinh, phù hợp với thời tiết cho trẻ.

**\* Chăm sóc sức khỏe**

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT về công tác y tế trường học, tham dự đầy đủ các lớp tập huấn về công tác y tế trường học.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường (dịch bệnh Covid 19, sốt xuất huyết và các dịch bệnh khác…): đảm bảo đủ điều kiện phục vụ và triển khai thực hiện đúng quy định.

- Nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật, chú trọng thực hiện chế độ sinh hoạt một ngày, chế độ ăn của trẻ theo độ tuổi được qui định trong Chương trình GDMN; Quy chế nuôi dạy trẻ và các văn bản chỉ đạo của ngành. Phân công giáo viên thực hiện dây chuyền chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại nhóm lớp. Duy trì thực hiện tốt sổ nhật ký nhóm lớp:

+ Phối hợp với nhà trường kiểm tra sức khỏe đầu năm học: trẻ từ 36 tháng tuổi trở lên: đo chiều cao, cân nặng, đo huyết áp, nhịp tim, thị lực của trẻ.

+ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế thế giới (cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng theo chiều cao (trẻ 01 đến 60 tháng) hoặc BMI theo tuổi (trẻ 61 đến 78 tháng). Trẻ từ 24 tháng trở lên, đo chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng mỗi quý 1 lần. Trẻ từ 60 tháng tuổi trở lên theo dõi chỉ số khối cơ thể  (BMI).

+ Phối hợp với y tế khám sức khỏe cho trẻ: 2 lần/ năm học (tháng 10, tháng 3) vào sổ theo dõi sức khỏe của trẻ và sổ theo dõi của lớp, trường.

+ Cân, đo cho trẻ: 3 lần/ năm học (tháng 9, tháng 12, tháng 3)

- Thực hiện các biện pháp phòng chống SDD, giảm tỉ lệ thấp còi, phòng chống thừa cân.

- 100% trẻ được rửa tay bằng xà phòng, chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ để hình thành nề nếp thói quen tốt, hành vi văn minh có lợi cho sức khỏe và sự phát triển của trẻ.

- 100% trẻ được ngủ đủ giấc, có đầy đủ chăn gối đệm theo thời tiết, đảm bảo vệ sinh.

- Thực hiện khám sức khỏe định kì ít nhất 1lần/ 1năm học.

- 100% trẻ có cốc uống nước riêng, mỗi cháu 2 khăn mặt/ năm.

**+ Biện pháp thực hiện**

- Phân công giáo viên quản lý, theo dõi và đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc, đặc biệt giờ ăn, ngủ, đón trả trẻ. Giáo viên thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt một ngày theo độ tuổi của trẻ, chế độ chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, thực hiện các điều kiện tổ chức bữa ăn, giấc ngủ. Tuyệt đối không cho trẻ ngủ trên chiếu trải trực tiếp dưới sàn nhà.

- Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh việc chăm sóc trẻ ở gia đình, giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng chống dịch bệnh bằng các nội dung, hình thức phong phú, dạy trẻ một số kỹ năng tự bảo vệ bản thân: bỏng, điện giật, thất lạc…

- Vận động trẻ đi học trong những ngày khám sức khỏe. Thông báo lịch khám sức khỏe với phụ huynh trước 3 ngày. Giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ trong các giờ đón trả trẻ.

- Tổ chức giấc ngủ cho trẻ có đủ trang thiết bị theo quy định, phù hợp theo

mùa và đảm bảo vệ sinh. Phân công giáo viên trực, theo dõi và đảm bảo an

toàn cho trẻ trong giờ ngủ.

- Phối hợp chặt chẽ cùng y tế phường Thiện An thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh và thông báo tới các cấp quản lý khi có dịch xảy ra. Giám sát và phối hợp với GV thực hiện tốt công tác vệ sinh, chăm sóc bảo vệ sức khỏe, giữ gìn môi trường sinh hoạt, dụng cụ đồ ăn uống, đồ dùng đồ chơi của trẻ sạch sẽ. Thực hiện lịch vệ sinh đồ dùng đồ chơi 1 lần /tuần và hấp khăn mặt hàng ngày.

- Hướng dẫn trẻ thực hiện rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và khi tay bẩn. Giáo viên tận dụng tình huống để giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ.

- Tổ khối thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra công tác vệ sinh răng miệng, vệ sinh cá nhân, phòng bệnh cho trẻ: rửa tay, lau mặt, súc miệng nước muối, giặt hấp khăn…

- Chỉ đạo giáo viên tại lớp có các biện pháp cụ thể phòng chống SDD, béo phì cho trẻ: cho cháu SDD-TC ngồi bàn riêng để cô tiện chăm sóc, với các cháu TC-BP giáo viên cho trẻ ăn nhiều rau xanh và tăng cường vận động cho các cháu.

*4.3. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN*

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động triển khai chủ đề “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện” gắn với việc thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025. Tổ chức thực hiện các Tiêu chí xây dựng trường mầm non LTLTT theo Kế hoạch số 12/KH-PGDĐT ngày 29/7/2021 trong đó tập trung xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện và đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quan điểm LTLTT; tiếp tục xây dựng, thực hiện mô hình về trường mầm non LTLTT phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường. Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực thực hiện các nội dung Chuyên đề cho giáo viên.

- Tổ chức cho trẻ mẫu giáo lớp 4-5 tuổi và 5-6 tuổi làm quen với tiếng Anh

đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu của trẻ em và gia đình trẻ, phù hợp với điều kiện của địa phương theo hướng dẫn tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.

- Tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT[[3]](#footnote-4) về giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt tại các cơ sở GDMN; thực hiện các chính sách ưu tiên trong giáo dục cho trẻ khuyết tật học hòa nhập[[4]](#footnote-5). Đẩy mạnh công tác truyền thông tới gia đình và cộng đồng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp trẻ có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em và hòa nhập cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một, phối hợp giữa mầm non và tiểu học về một số nội dung phù hợp yêu cầu liên thông từ mầm non lên tiểu học.

- Tiếp tục xây dựng và khai thác hiệu quả kho tài liệu, học liệu, các video trực tuyến dùng chung để hỗ trợ thực hiện Chương trình đối với các cơ sở GDMN, đồng thời hỗ trợ cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà phù hợp với điều kiện của gia đình thông qua các ứng dụng zalo, viber, website nhà trường và các ứng dụng công nghệ khác, đặc biệt trong bối cảnh diễn biến phức tạp của thiên tai, dịch bệnh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công nghệ số trong hoạt động hàng ngày. Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả quản lý. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý GDMN các cấp và trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

- Thời gian thực hiện chương trình: 35 tuần từ ngày 5/9/2022, hoàn thành chương trình vào ngày 31/5/2023.

- 100% lớp thực hiện linh hoạt sáng tạo chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi theo đúng quy định của ngành phù hợp với điều kiện thực tế của trường và

của địa phương.

- 100% trẻ MG được giáo dục kỹ năng sống và thói quen văn minh cho trẻ.

- 100% các lớp đạt tiêu chuẩn lớp an toàn, trẻ tích cực hoạt động và sạch đẹp.

- 100% các lớp mẫu giáo đều thực hiện chương trình GDMN do bộ giáo dục quy định.

- 100% các lớp xây dựng môi trường hoạt động giáo dục cho trẻ phù hợp

theo các chủ đề khuyến khích trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động một cách tự nguyện.

- 100 % trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, tích cực tham gia các hoạt động học tập

vui chơi, thích ứng với chương trình GDMN.

- Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ. Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá trẻ theo từng độ tuổi; 100% trẻ nhà trẻ được đánh giá sự phát triển theo 49 mục tiêu, 100% trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi được đánh giá sự phát triển theo 104 mục tiêu dựa trên bộ chuẩn phát triển, 100% trẻ mẫu giáo 4, 5 tuổi được đánh giá sự phát triển theo 108 mục tiêu dựa trên bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và chương trình GDMN do bộ giáo dục ban hành, tỷ lệ đạt 100%

- Trẻ mẫu giáo 4 – 5 tuổi, 5-6 tuổi: đạt 95%

- Tỷ lệ bé chuyên cần toàn khối đạt: 95 %

- Tiếp tục đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục toàn diện, lồng ghép tích hợp lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường tổ chức hoạt động vui chơi, tạo cơ hội để trẻ được trải nghiệm, khám phá, trú trọng giáo dục và hình thành kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi của trẻ, yêu cầu xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và địa phương.

- Phối hợp với nhà trường tổ chức một số tiết dạy chuyên đề nâng cao chuyên môn cho giáoviên như: Chuyên đề làm quen với âm nhạc, chuyên đề phát triển thể chất (thể dục) chuyên đề giáo dục kỹ năng sống (GDKNS).

Một số tiết dạy mẫu như: Chuyên đề hoạt động tạo hình (PTTM), chuyên đề Làm quen văn học (PTNN).

Tuyên truyền tầm quan trọng của phát triển vận động đối với trẻ mầm non

tới toàn thể các bậc phụ huynh để có sự phối kết hợp nâng cao kết quả giáo dục trên trẻ. Lồng ghép tích hợp các nội dung giáo dục phát triển vận động thông qua tổ chức các hoạt động trong ngày cho trẻ, tiếp tục trú trọng thực hiện có chất lượng chuyên đề.

- Tiếp tục thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nội dung giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục sử dụng tiết kiệm năng lượng hiệu quả, giáo dục tài nguyên môi trường biển, hải đảo và giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, giới tính, GD kỹ năng sống… vào chương trình GDMN.

- Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở các lớp 4-5 tuổi, 5-6 tuổi đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, Đẩy mạnh công tác truyền thông tới gia đình và cộng đồng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp trẻ có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em và hòa nhập cộng đồng.

**\* Biện pháp thực hiện**

- Chỉ đạo hướng dẫn giáo viên bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên để thực hiện một cách có hiệu quả, đồng thời tập huấn nâng cao chuyên môn cho giáo viên và thực hiện nghiêm túc các tiêu chí xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm.

- Chỉ đạo giáo viên phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh và tuyên truyền đến phụ huynh về chương trình GDMN sau sửa đổi bổ và kế hoạch cho trẻ làm quen tiếng anh để tạo sự đồng thuận của phụ huynh học sinh trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Phối hợp với trường tiểu học trưng Vương về một số hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một.

**-** Tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia tập huấn các phần mềm điện tử cấp trên triển khai theo kế hoạch. Khuyến khích giáo viên soạn bài bằng giáo án điện tử và đăng tải lên cổng thông tin điện tử nhà trường. Thường xuyên kiểm tra nhân viên cập nhật số liệu qua phần mềm và thực hiện báo cáo kịp thời hiệu quả. Động viên khuyến khích giáo viên tham gia lớp học bồi dưỡng tin học, ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng với nhu cầu hiện nay.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên của nhà trường về việc lựa

chọn nội dung bài dạy để đưa vào kế hoạch giáo dục.

- Thực hiện nghiêm túc việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục; đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị, tài liệu, phương tiện dạy học; Khuyến khích các giáo viên chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện chương trình phù hợp với thực tế của nhà trường bảo đảm chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các giáo viên ứng dụng thực hiện các

chương trình phần mềm eodu, giáo án điện tử;

- Mỗi giáo viên thiết lập 01 hộp thư điện tử để năm bắt thông tin của trường mình để thuận lợi cho việc trao đổi thông tin 2 chiều, tự học, tự tiếp thu các văn bản mới

- Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra, thăm lớp dự giờ thường xuyên.

- Tổ chức tốt các ngày hội ngày lễ trong năm học các hội thi của cô và trẻ.

- Tổ chức tập huấn, triển khai thực hiện Chương trình GDMN, thực hiện chương trình; đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng đồ chơi, trang bị tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN cho GV. Hỗ trợ, nâng cao chất lượng các lớp.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm

trung tâm” giai đoạn 2 (2021 – 2025): tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục, đổi mới việc tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; nâng cao năng lực đội ngũ trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; tăng cường cơ hội thực hành, trải nghiệm, phát triển toàn diện cho trẻ; hoàn thiện, nhân rộng mô hình điểm về thực hiện chuyên đề.

- Chỉ đạo, hướng dẫn theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ làm cơ sở cho

việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ theo quy định của chương trình GDMN.

- Thực hiện chương trình hỗ trợ cha mẹ trẻ chăm sóc giáo dục trẻ có chất

lượng: cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ cho cha mẹ dưới nhiều

hình thức. Xây dựng, triển khai các mô hình phối hợp gia đình - nhà trường - cộng

đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Triển khai Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở lớp 4-5 tuổi, 5-6 tuổi.

Giáo viên thực hiện lồng ghép giáo dục trẻ bảo vệ môi trường, giáo dục thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ an toàn bản thân và môi trường sống vào chương trình GDMN.

Thực hiện giáo dục hòa nhập có chất lượng cho trẻ khuyết tật. Đẩy mạnh công tác truyền thông tới gia đình và cộng đồng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp trẻ có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em và hòa nhập cộng đồng.

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ**

**\* Lớp Chồi thực hiện 9 chủ đề lớn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ đề chính** | **Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 9/2022 | Trường mầm non | 3 Tuần |  |
| 9-10/2022 | Bản thân | 3 Tuần |  |
| 10-11/2022 | Gia Đình | 5 Tuần |  |
| 11-12/2022 | Nghề Nghiệp | 4 Tuần |  |
| 12-1/2023 | Phương tiện và luật lệ giao thông | 4 Tuần |  |
| 1-2-3/2023 | Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân | 6 Tuần |  |
| 3/2023 | Nước và các hiện tượng nhiên | 4 Tuần |  |
| 4/2023 | Thế giới động vật. | 3 Tuần |  |
| 5/2023 | Quê hương đất nước Bác Hồ | 3 Tuần |  |

**\* Khối Lá thực hiện 10 chủ đề lớn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ đề chính** | **Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 9/2022 | Trường mầm non | 3 Tuần |  |
| 9-10/2022 | Bản thân | 3 Tuần |  |
| 10-11/2022 | Gia Đình | 5 Tuần |  |
| 11-12/2022 | Nghề Nghiệp | 3 Tuần |  |
| 12-1/2023 | Phương tiện và luật lệ giao thông | 4 Tuần |  |
| 1-2/2023 | Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân | 4 Tuần |  |
| 2-3/2023 | Nước và các hiện tượng nhiên | 4 Tuần |  |
| 3-4/2023 | Thế giới động vật. | 4 Tuần |  |
| 4-5/2023 | Quê hương đất nước Bác Hồ | 3 Tuần |  |
| 5/2023 | Trường tiểu học | 2 tuần |  |

**CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ 4 – 5 TUỔI**

**I/ Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển thể chất**

1. Trẻ phát triển khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.

3. Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.

4. Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.

5. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc).

6.Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn):bắt được 3 lần liền không rơi bóng

(khoảng cách 3 m).

7. Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).

8. Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.

9. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.

10. Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.

11. Ném trúng đích ngang (xa 2 m).

12. Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.

13. Thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay; Gập, mở, các ngón tay.

14. Vẽ hình người, nhà, cây.

15. Cắt  thành thạo theo đường thẳng.

16. Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.

17. Biết tết sợi đôi.

18. Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.

19. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá,...có nhiều chất đạm; Rau, quả chín có nhiều vitamin.

20. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo,...

21. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.

22. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự  rửa tay bằng xà phòng. Tự  lau mặt, đánh răng; Tự  thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.

23. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.

24. Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.

25. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau,…

26. Không uống nước lã.

27. Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép

giầy khi đi học.

28. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt,...

29. Đi vệ sinh đúng nơi quy định; Bỏ rác đúng nơi qui định.

30. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng,... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật  sắc nhọn không nên nghịch.

31. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước,  suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.

32. Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,...

33. Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà

phê;  không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.

34. Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.

35. Biết gọi người lớn khi gặp  một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.

36. Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại

người thân khi cần thiết.

**II/ Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức**

37. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý,

hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?...

38. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.

39.Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.

Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.

40. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.

41. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”

42. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.

43. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

44. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.

45. Quan tâm đến chữ số,  số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? Là số mấy?,...

46. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.

47. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.

48. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.

49. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.

50. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.

51. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

52. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.

53. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.

54. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và

chữ nhật,...

55. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.

56. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.

57. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.

58. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện

59. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

60. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò

chuyện.

61. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.

62. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

63. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

64. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.

65. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.

66. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử  ở  địa phương.

**III/ Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp**

67. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào

bông hoa màu vàng”.

68. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ,…

69. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.

70. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.

71. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,…

72. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.

73. Kể lại sự việc theo trình tự.

74. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...

75. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.

76. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của  nhân vật trong truyện.

77. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp.

78. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.

79. Chọn sách để xem.

80. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.

81. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh

họa (“đọc vẹt”).

82. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..

**IV/ Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm và quan hệ xã hội**  
83. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.

84. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.

85. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.

86. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).

87. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.

88. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.

89. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.

90.Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về BH

91. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.

92. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.

93. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.

94. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.

95. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.

96.Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.

97. Bỏ rác đúng nơi quy định.

98. Không bẻ cành, bứt hoa.

99. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.

**V/ Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển Phát triển thẩm mĩ**

100. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự

vật, hiện tượng

101. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện.

102. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ  và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.

103. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ,...

104. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa ).

105. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.

106. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.

107. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.

108. Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm

có nhiều chi tiết.

# NỘI DUNG BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI

1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.

2. Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.

3. Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.

4. Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.

5. Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).

6. Bắt và ném bóng với người đối diện ( khoảng cách 4 m).

7. Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).

8. Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.

9. Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.

10. Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).

11. Bò vòng qua 5 – 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.

12. Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.

13. Gập, mở lần lượt từng ngón tay

14 Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.

15. Cắt được theo đường viền của hình vẽ.

16. Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.

17 Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.

18. Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phecmơtuya.

19. Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...

20.Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả…

21. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể

luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

22. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

23. Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.

24. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.

25. Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch.

26. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

27. Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.

28. Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.

29. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

30. Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.

31. Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy

32. Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.

33. Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....

34. Che miệng khi ho, hắt hơi.

35. Đi vệ sinh đúng nơi quy định

36. Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.

37. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.

38. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.

39. Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....

40. Biết không tự ý uống thuốc.

41. Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ.

42. Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống

nước, ngã chảy máu ...

43. Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép

của người lớn, cô giáo.

44. Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc

biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ

45. Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.

46. Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.

47. Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

48. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...

49. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng

như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc

điểm của đối tượng.

50. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

51. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh

ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.

52. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.

53. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.

54. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

55. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

56. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác

nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.

57. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.

58. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách

khác nhau.

59. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.

60. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

61. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.

62. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.

63. Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.

64. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.

65. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.

66. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

67. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

68. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

69. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu

có) … khi được hỏi, trò chuyện.

70. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.

71. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

72. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

73. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”

74. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho

em đi chơi công viên…”.

75. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

76. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).

77. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.

78. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh.

79. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao…

80. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.

81. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.

82. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình

huống.

83. Chọn sách để “đọc” và xem.

84. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.

85. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

86. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...

87. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.

88. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.

89. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.

90. Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé

không làm được

91. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở

thích và khả năng).

92. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.

93. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.

94. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).

95. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.

96. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.

97. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)

98. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về BH

99. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền

thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước.

100. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi

chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.

101. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép

102. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

103. Biết chờ đến lượt.

104. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.

105. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.

106. Bỏ rác đúng nơi quy định.

107. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

108. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.

109. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp ) theo bài hát, bản nhạc.

110. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...

111. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

112. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

113. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.

114. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.

115. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.

116. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu

sắc hài hoà, bố cục cân đối.

117. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.

118. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.

119. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.

120. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

**Dự kiến các chủ đề trong năm học 2022-2023 trong khối**

**\* Khối chồi thực hiện 9 chủ đề lớn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ đề chính** | **Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 9/2022 | Trường mầm non | 3 Tuần |  |
| 9-10/2022 | Bản thân | 3 Tuần |  |
| 10-11/2022 | Gia Đình | 5 Tuần |  |
| 11-12/2022 | Nghề Nghiệp | 4 Tuần |  |
| 12-1/2023 | Phương tiện và luật lệ giao thông | 4 Tuần |  |
| 1-2-3/2023 | Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân | 6 Tuần |  |
| 3/2023 | Nước và các hiện tượng nhiên | 4 Tuần |  |
| 4/2023 | Thế giới động vật. | 3 Tuần |  |
| 5/2023 | Quê hương đất nước Bác Hồ | 3 Tuần |  |

**Dự kiến kế hoạch theo từng chủ đề khối chồi**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thời gian** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **stt** |
| 1 | 29/8-2/9/2022 | **Trường mầm non** | Ổn định lớp | 1 |
| 2 | 5/9-9/9/2022 | Ngày hội đến trường | 1 |
| 3 | 12/9-16/9/2022 | Lớp học của bé | 1 |
| 4 | 19-23/9/2022 | Trường mầm non của bé | 1 |
| 5 | 26-30/9/2022 | **Bản thân** | Bé tự giới thiệu về mình, vui tết trung thu | 1 |
| 6 | 3/10-7/10/2022 | Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | 1 |
| 7 | 10/10-14/10/2022 | Lớn lên bé sẽ làm gì | 1 |
| 8 | 17/10-21/10/2022 | **Gia đình** | Gia đình và họ hàng của bé | 1 |
| 9 | 24/10-28/10/2022 | Nhu cầu của gia đình | 1 |
| 10 | 31/10-4/11/2022 | Gia đình sống chung một ngôi nhà | 1 |
| 11 | 7/11-11/11/2022 | Khám phá đồ dùng trong gia đình | 1 |
| 12 | 14/11-18/11/2022 | Ngày tết của cô giáo 20/11 | 1 |
| 13 | 21/11-25/11/2022 | **Nghề Nghiệp** | Nghành nghề sản xuất |  |
| 14 | 28/11-2/12/2022 | Nghề xây dựng | 1 |
| 15 | 5/12-9/12/2022 | Nghành y tế và các nghề dịch vụ khác | 1 |
| 16 | 12/12-16/12/2022 | Một số nghề phổ biến ở địa phương | 1 |
| 17 | 19/12-23/12/2022 | **Phương tiện và**  **luật lệ giao thông** | Một số phương tiện giao thông phổ biến | 1 |
| 18 | 26/12-30/12/2022 | Phân nhóm các phương tiện giao thông |  |
| 19 | 2/1-6/1/2023 | Luật lệ giao thông | 1 |
| 20 | 2/1-6/1/2023 | Một số biển báo – Bé thực hành luật giao thông | 1 |
| 21 | 2/1-6/1/2023 | **Thế giới thực vật -**  **Tết và mùa xuân** | Mùa xuân và tết cổ truyền | 1 |
| 22 | 9-20/1/2023 | Nghỉ tết Nguyên Đán | 1 |
| 23 | Nghỉ tết Nguyên Đán | 1 |
| 24 | 30/1-3/2/2023 | Một số loại hoa, một số loại quả | 1 |
| 25 | 6/2-10/2/2023 | Một số loại rau | 1 |
| 26 | 13/2-172/2023 | Cây xanh và môi trường sống | 1 |
| 27 | 2/1-6/1/2023 | Mùa xuân và tết cổ truyền | 1 |
| 28 | 20/2-24/2/2023 | **Nước và hiên tượng tự nhiên** | Thứ tự các mùa trong năm | 1 |
| 29 | 27/2-3/3/2023 | Hiện tượng tự nhiên | 1 |
| 30 | 6/3-10/3/2023 | Ngày tết của bà và của mẹ | 1 |
| 31 | 13/3-17/3/2023 | Sự kì diệu của nước |  |
| 32 | 27/3-31/3/2023 | **Thế giới động vật** | Một số vật nuôi trong gia đình | 1 |
| 33 | 3/4-7/4/2023 | Động vật sống dưới nước | 1 |
| 34 | 10/4-14/4/2023 | Động vật sống trong rừng. Chim và côn trùng | 1 |
| 35 | 17/4-21/4/2023 | **Quê hương – Đất**  **nước – Bác Hồ** | Quê hương em – Đất nước mến yêu | 1 |
| 36 | 24/4-28/4/2023 | Biển đảo thân thương | 1 |
| 37 | 1/5-5/5/2023 | Bác Hồ kính yêu | 1 |
| 38 | 22/5-265/2023 | **Ôn tập – Tổng kết** | Ôn tập -Tổng kết năm học | 1 |

**Dự kiến kế hoạch theo từng chủ đề khối lá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ đề chính** | **Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 9/2022 | Trường mầm non | 3 Tuần |  |
| 9-10/2022 | Bản thân | 3 Tuần |  |
| 10-11/2022 | Gia Đình | 5 Tuần |  |
| 11-12/2022 | Nghề Nghiệp | 3 Tuần |  |
| 12-1/2023 | Phương tiện và luật lệ giao thông | 4 Tuần |  |
| 1-2/2023 | Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân | 4 Tuần |  |
| 2-3/2023 | Nước và các hiện tượng nhiên | 4 Tuần |  |
| 3-4/2023 | Thế giới động vật. | 4 Tuần |  |
| 4-5/2023 | Quê hương đất nước Bác Hồ | 3 Tuần |  |
| 5/2023 | Trường tiểu học | 2 tuần |  |

**Dự kiến kế hoạch theo từng chủ đề khối lá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TTT** | **Thời gian** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **ST** |
| 1 | 29/8-2/9/2022 | **Trường mầm non** | Ổn định lớp | 1 |
| 2 | 5/9-9/9/2022 | Ngày hội đến trường, bé vui tết trung thu | 1 |
| 3 | 12/9-16/9/2022 | Lớp học của bé | 1 |
| 4 | 19-23/9/2022 | Trường mầm non của bé | 1 |
| 5 | 26-30/9/2022 | **Bản thân** | Bé tự giới thiệu về mình | 1 |
| 6 | 3/10-7/10/2022 | Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | 1 |
| 7 | 10/10-14/10/2022 | Lớn lên bé sẽ làm gì | 1 |
| 8 | 17/10-21/10/2022 | **Gia đình** | Gia đình và họ hàng của bé | 1 |
| 9 | 24/10-28/10/2022 | Nhu cầu của gia đình | 1 |
| 10 | 31/10-4/11/2022 | Gia đình sống chung một ngôi nhà | 1 |
| 11 | 7/11-11/11/2022 | Khám phá đồ dùng trong gia đình | 1 |
| 12 | 14/11-18/11/2022 | Ngày tết của cô giáo 20/11 |  |
| 13 | 21/11-25/11/2022 | **Nghề Nghiệp** | Nghành nghề sản xuất | 1 |
| 14 | 28/11-2/12/2022 | Nghề xây dựng | 1 |
| 15 | 5/12-9/12/2022 | Nghề chế biến thủy hải sản | 1 |
| 16 | 12/12-16/12/2022 | Một số nghề phổ biến ở địa phương | 1 |
| 17 | 19/12-23/12/2022 | **Phương tiện và**  **luật lệ giao thông** | Một số phương tiện giao thông phổ biến | 1 |
| 18 | 26/12-30/12/2022 | Luật lệ giao thông |  |
| 19 | 2/1-6/1/2023 | Một số biển báo – Bé thực hành luật giao thông | 1 |
| 20 | 2/1-6/1/2023 | **Thế giới thực vật -**  **Tết và mùa xuân** | Mùa xuân và tết cổ truyền | 1 |
| 21 | 9-20/1/2023 | Nghỉ tết Nguyên Đán | 1 |
| 22 | Nghỉ tết Nguyên Đán | 1 |
| 23 | 30/1-3/2/2023 | Một số loại hoa, một số loại quả | 1 |
| 24 | 6/2-10/2/2023 | Một số loại rau | 1 |
| 25 | 13/2-172/2023 | Cây xanh và môi trường sống | 1 |
| 26 | 20/2-24/2/2023 | **Nước và hiên tượng tự nhiên** | Thứ tự các mùa trong năm | 1 |
| 27 | 27/2-3/3/2023 | Hiện tượng tự nhiên | 1 |
| 28 | 6/3-10/3/2023 | Ngày tết của bà và của mẹ | 1 |
| 29 | 13/3-17/3/2023 | Sự kì diệu của nước | 1 |
| 30 | 20/3-24/3/2023 | **Thế giới động vật** | Một số vật nuôi trong gia đình | 1 |
| 31 | 27/3-31/3/2023 | Động vật sống dưới nước | 1 |
| 32 | 3/4-7/4/2023 | Động vật sống trong rừng | 1 |
| 33 | 10/4-14/4/2023 | Chim và côn trùng | 1 |
| 34 | 17/4-21/4/2023 | **Quê hương – Đất**  **nước – Bác Hồ** | Quê hương em – Đất nước mến yêu | 1 |
| 35 | 24/4-28/4/2023 | Biển đảo thân thương | 1 |
| 36 | 1/5-5/5/2023 | Bác Hồ kính yêu | 1 |
| 37 | 8/5-12/52023 | **Trường tiểu học** | Trường tiểu học |  |
| 38 | 15/5-19/5/2023 | Một số đồ dùng học tập lớp 1 |  |
| 39 | 22/5-265/2023 | **Ôn tập – Tổng kết** | Ôn tập -Tổng kết năm học | 1 |

**Dự kiến bảng phân chỉ số**

**Giáo dục trẻ theo *“Bộ chuẩn phát triển trẻ 4-5 tuổi”* từng chủ đề của khối**

**chồi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Chủ đề | Phát triển thể chất | Phát triển tình cảm và xã hội | Phát triển thẫm mỹ | Phát triển ngôn ngữ | Phát triển nhận thức |
| 1 | Trường mầm non | 1.5.21.24 | 80.81 | 98.101.106 | 63.74.75.77 | 36.46.50.54.59.61 |
| 2 | Bản thân | 2.11.23.30 | 83.88 | 97.102 | 79.69.67 | 33.48.52.58 |
| 3 | Gia đình | 14.18.13 | 82.87 | 96.103 | 70.76 | 47.55.56 |
| 4 | Nghề nghiệp | 10.16.22.31 | 86 | 104 | 64.72 | 34.40.62 |
| 5 | Phương tiện và  luật lệ giao thông | 6.8.15.29 | 84.85 | 107 | 68 | 38.42.43.45 |
| 6 | Thế giới thực vật-Tết và mùa xuân | 3.20.28.32 | 94 | 108 | 71 | 44.5 |
| 7 | Nước và hiện tượng tự nhiên | 7.26.27 | 93.95 | 99 | 78 | 35.37.39.53 |
| 8 | Thế giới động vật | 12.19.25 | 92. | 105 | 73 | 41.49 |
| 9 | Quê hương đất nước Bác Hồ | 4.9.17 | 89.90.91 | 100 | 65.66 | 57.60 |

**Dự kiến bảng phân chỉ số**

**Giáo dục trẻ theo *“Bộ chuẩn phát triển trẻ 5-6 tuổi”* từng chủ đề của khối lá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Chủ đề | Phát triển thể chất | Phát triển tình cảm và xã hội | Phát triển ngôn ngữ | Phát triển nhận thức |
| 1 | Trường mầm non | 1,6,8,16,17,23,4,  112,113 | 93,94 | 79,80,87,88 | 70,79,68, 59,55,110 |
| 2 | Bản thân | 1,3,4,57,7,11,12,13,18,22,23,27.112,113 | 91,92,89 | 79,80,87, 88 | 110,67,68,69,61,55,59 |
| 3 | Gia đình | 1,5,7,9,11,21,24,25,26,43,44,112,  113 | 92,89,101 | 78, 79,80,87, 88 | 55,56,57,58,59,62,63,64,69,  110 |
| 4 | Nghề nghiệp | 1,5,7,9,11, 112,113, 28,29 | 90,93,106 | 79,81,87,88 | 55,56,57,58,59,62,63,64,71,  54, 110 |
| 5 | Phương tiện và  luật lệ giao thông | 1,5,7,9,11, 112,113, 33,34,107,46, | 95,96,100 | 79,81,87,88, 84 | 110,57,59,52,56,62,63,,54,58 |
| 6 | Thế giới thực vật-Tết và mùa xuân | 20. 114.  120.39.41 | 96 | 82 | 51.111. |
| 7 | Nước và hiện tượng tự nhiên | 31.32.115.38.42 | 102 | 77 | 65.53.50.48 |
| 8 | Thế giới động vật | 19.109.116 | 103.105 | 76 | 49.60 |
| 9 | Quê hương-Đất nước – Bác Hồ | 30.36.117 | 99 | 86 | 74.75 |
| 10 | Trường tiểu học | 14.15.35.118  .119.45 | 97.104 | 83.85 | 66.72 |

**5.** **Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa giáo viên mầm non**

5.1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng tập huấn đội ngũ, nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ; nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; khuyến khích giáo viên tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu hữu ích thông qua nhiều hình thức khác nhau. Triển khai thực hiện hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo quy định và theo hướng dẫn của phòng GDĐT. Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN.

- Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh (Chỉ thị số 05-CT/TW và Chỉ thị số 27-CT/TTg); thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong các cơ sở GDMN (Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019).

5.2. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo viên giai đoạn 2019-2025[[5]](#footnote-6), bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục 2019, Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT về quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở GDMN, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo; triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về thực hiện nâng chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tỉnh Đắk Lắk năm 2022; tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.

5.3. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVMN theo quy định hiện hành.

5.5. Tham mưu, giới thiệu đến nhà trường, tôn vinh, biểu dương đối với những giáo viên tiêu biểu, có đóng góp tích cực hoặc có thành tích đột xuất trong công tác giáo dục nhà trường

**\* Biện pháp thực hiện:**

- Căn cứ vào tình hình giáo viên của tổ để đề xuất tham đến nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư 25, 26/TT-BGDĐT, ngày 08/10/2018 vào tháng 5 hàng năm, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ để đáp ứng yêu cầu theo chuẩn.

- Thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và đánh giá viên chức theo quy định.

- Triển khai cho giáo viên, đăng ký tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo theo các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử của nhà trường

**6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

Chủ động nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với tình hình của nhà trường và của địa phương.

**7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

Triển khai thực hiện Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT[[6]](#footnote-7) trong GV nhà trường; tăng cường cứng dụng CNTT trong chăm sóc, giáo dục trẻ, trong báo cáo và trong tuyên truyền đến phụ huynh. Chuẩn hóa CSDL ngành . Từng bước số hóa các nội dung giáo dục, triển khai các phương tiện trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Xây dựng kho tài liệu, học liệu trực tuyến dùng chung; lựa chọn nền tảng, giải pháp phần mềm quản lý để hỗ trợ thực hiện và triển khai kế hoạch giáo dục theo Chương trình GDMN.

**\* Biện pháp thực hiện**

- Phối hợp với nhà trường các nhà mạng đăng ký sử dụng các phần mềm theo quy định của cấp trên; yêu cầu tập huấn, hổ trợ cho giáo viên cập nhật các dữ liệu trên phần mềm.

**8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non**

Chủ động thông tin, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ về đổi mới và phát triển GDMN. Tăng cường truyền thông về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Đẩy mạnh việc phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức, đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng; tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong việc hướng dẫn cha mẹ về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; tăng cường công tác tuyên truyền đối với cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, đặc biệt quan tâm tăng tỷ lệ huy động trẻ 5-6 tuổi đến trường, tránh việc thừa phòng học nhưng trẻ nhà trẻ không được đến trường.

- Có 3/3 lớp có nhóm zalo

- Có 3/3 lớp có các góc truyên truyền ở các góc trong lớp

**\* Biện pháp thực hiện**

- Tổ xây dựng kế hoạch tuyên truyền trong năm học và chỉ đạo giáo viên các lớp tuyên truyền tới các bậc cha mẹ trẻ bằng nhiều hình thức truyền thông của phường, qua bảng tuyên truyền của lớp, nhà trường. Tuyên truyền qua cuộc họp cha mẹ trẻ, thông qua wepsai của trường, zalo, facebook,....để cha mẹ nắm bắt kịp thời các thông tin nhằm tạo sự đồng thuận giữa phụ huynh và nhà trường.

**III. CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU NĂM HỌC 2022-2023**

**1. Về giáo viên**

1.1. Xếp loại về hồ sơ chuyên môn

- Loại tốt: 5/6 bộ; 83%

- Loại khá: 1/6 bộ; 16,7 %

1.2. Xếp loại giảng dạy

- Loại tốt: 4/6;  66 %

- Loại khá: 2/6; 33,3%

1.3. Xếp loại công tác tự học, tự bồi dưỡng

- Đạt: 6/6; 100 %

- Không đạt: 0

1.4. Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

- Loại xuất sắc: 3/6

- Loại khá: 3/6

- Loại đạt yêu cầu: 0

**2. Về học sinh**

- Cháu ngoan Bác Hồ 40-45%.

- Bé chăm ngoan 45-50%.

- Các lĩnh vực phát triển ở các độ tuổi đạt từ 85% trở lên cho các độ tuổi

- Bé lễ phép 100%

- 100% trẻ được cân, đo theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng, khám sức khỏe định kỳ

- Giảm tỉ lệ SDD thể nhẹ cân còn dưới 6% và thể TC còn dưới 7%.

- 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

- 100% trẻ mẫu giáo được học 2 buổi/ ngày.

- 100%  trẻ được vệ sinh cá nhân sạch sẽ để tránh các dịch bệnh.

         - 100% số lớp có góc tuyên truyền tại lớp đa dạng và phong phú về nội dung hình thức.

**3. Về hội thi**

+ Đối với học sinh

* Tham gia hội thi Aerobic dành cho trẻ 5 tuổi cấp thị xã

+ Đối với giáo viên

- Tham gia hội thi giáo viên mầm non làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cấp thị xã; phấn đấu có 1 bộ đồ dùng, đồ chơi đạt giải được lựa chọn dự thi cấp tỉnh.

- Tổ chức Hội thi “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện” cấp trường

- Phấn đấu đạt giải trong Hội thi “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện” cấp thị xã.

**4. Công tác thi đua khen thưởng năm học 2022-2023**

**\* Các danh hiệu đăng ký thi đua**

- Đối với tập thể các lớp: 2 lớp xuất sắc

- Giấy khen UBND cấp TX: 0 đ/c

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở: 2 đ/c

+ Lao động tiên tiến: 4 đ/c

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 2 đ/c

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Căn cứ vào nội dung kế hoạch chuyên môn năm học 2022-2023 và dự kiến công tác tháng của chuyên môn, tổ khối trưởng xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023 phù hợp với tình hình thực tế của các lớp và triển khai thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***  - PHT, giáo viên (thực hiện)  - Lưu: HSTK | **TỔ KHỐI TRƯỞNG**  ***Nguyễn Thị thu Ngà*** |

**HƯỚNG DẪN**

**Thực hiện *“Xây dựng trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện”* trong cơ sở giáo dục mầm non**

*( Ban hành kèm theo Công văn số…./KH-HHD ngày tháng 10 năm 2022, Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022 - 2023)*

Thực hiện Chủ đề năm học ***“Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện”,*** Tổ khối trưởng trường MN Hoa Hướng Dương chỉ đạo giáo viên Khối Chồi- Lá của nhà trường thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”; kế hoạch năm học được lồng ghép, tích hợp các nội dung đảm bảo an toàn, thân thiện, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là ứng phó với dịch Covid-19; đảm bảo sự phân công trách nhiệm của các thành viên trong cơ sở GDMN và sự phối hợp với gia đình và cộng đồng trong thực hiện kế hoạch.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện phải đáp ứng các tiêu chí về xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của Chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm (ban hành kèm theo Kế hoạch số 41/KH-SGDĐT ngày 15/7/2021 của Sở GDĐT) và Kế hoạch số 12/KH-PGDĐT ngày 29/7/2021 của

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ.

3. Các lớp học có có hệ thống phân loại rác thải theo quy định.

4. Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình giáo dục của lớp có tích hợp nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khoẻ, an toàn, kỹ năng phòng chống dịch bệnh do Covid-19; đậu mùa khỉ; sốt xuất huyết và các dịch bệnh khác… kỹ năng ứng phó với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và bảo vệ môi trường.

5. Đảm bảo 100% đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu an toàn, thân thiện, đúng quy định và được kiểm tra, vệ sinh định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hiện tượng hư hỏng, xuống cấp; đảm bảo công trình vệ sinh, nước sạch và bố trí khu vực để trẻ rửa tay với xà phòng phù hợp với điều kiện thực tế;tăng cường sử dụng vật liệu tái chế, hạn chế sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần; tận dụng tối đa nguồn học liệu sẵn có tại địa phương.

6. Hành vi của giáo viên thân thiện, mẫu mực, là tấm gương để trẻ noi theo; không có hiện tượng mất an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ, giáo viên tại nhà trường./.

**DỰ KIẾN CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

*( Ban hành kèm theo Công văn số 22 /HT-HHD ngày 13 tháng 10 năm 2022, Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022 - 2023)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung công tác** |
| Tháng 09/2022 | - GV thiết lập nhóm zalo các lớp kết nối với phụ huynh  - GV Báo cáo thống kê đầu năm và nhập CSDL đầu năm học  - Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường  - Tham gia tiến hành lựa chọn đồ dùng đồ chơi và học liệu cho học sinh  - Tổ chức cân đo biểu đồ giai đoạn I cho trẻ  - Tham gia khai giảng năm học mới 2022-2023  - Tham gia tập huấn chuyên môn do các cấp tổ chức  - Tổ chức họp tổ khối triển khai nhiệm vụ năm học  - Tham gia tổ chức trải nghiệm vui trung thu cho các cháu  - Họp phụ huynh các lớp  -Kiểm ta hồ sơ gió viên  -Họp tổ khối |
| Tháng  10/2022 | - Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học  - Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh  - Tham gia Hội nghị CBVC năm học 2022-2023  - Đăng ký thi đua năm học 2022-2023  - Tham gia quy chế chuyên môn  - Tham gia tập huấn do các cấp tổ chức  - Tham gia tổ chức các hoạt động chào mừng ngày 20/10  - Tham gia khám sức khỏe cho học sinh các lớp  - Tham gia dự giờ tiết dạy tốt  -Kiểm ta hồ sơ giaó viên  -Họp tổ khối |
| Tháng 11/2022 | - Tham gia các hoạt động chào mừng ngày 20/11.  - Tham gia tập huấn chuyên môn do Phòng, Sở giáo dục triển khai  - Tham gia Hội thi “Làm đồ dùng đồ chơi tự tạo” cấp thị xã  - Kiểm tra 1 số hoạt động theo kế hoạch kiểm tra chuyên môn  -Họp tổ khối |
| Tháng 12/2022 | - Tham gia tập huấn chuyên môn do Phòng, sở giáo dục triển khai.  - Đón đoàn kiểm tra chuyên môn của PGD  - Tham gia Hội thi “Làm đồ dùng đồ chơi tự tạo”cấp tỉnh.(Nếu có)  - Tổ chức cân đo biểu đồ giai đoạn II cho trẻ  - Tổ chức cân đo biểu đồ giai đoạn II cho trẻ  - Tham gia kiểm tra một số hoạt động theo kế hoạch kiểm tra chuyên môn  - Kiểm tra hồ sơ giáo viên  -Họp tổ khối |
| Tháng  01/2023 | - Đón đoàn kiểm tra việc xây dựng trường học xanh - an toàn - thân thiện trong các cơ sở GDMN cấp tỉnh.  - Tham gia các hoạt động trải nghiệm chào đón tết nguyên đán  - Kiểm tra 1 số hoạt động theo kế hoạch kiểm tra giáo viên  - Báo cáo sơ kết học kỳ I  - Kiểm tra hồ sơ giáo viên  -Họp tổ khối |
| Tháng 02/2023 | - Tham gia dự giờ tiết dạy tốt  - Kiểm tra 1 số hoạt động theo kế hoạch kiểm tra chuyên môn  - Tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm cấp trường  - Tham gia tập huấn chuyên môn do Phòng, sở giáo dục triển khai  -Kiểm tra hồ sơ giáo viên  -Họp tổ khối |
| Tháng 3/2023 | - Tham gia các hoạt động chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.  - Tổ chức cuộc thi “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện” cấp trường.  - Tham gia tập huấn chuyên môn do Phòng, sở giáo dục triển khai  - Tham gia hoạt động trải nghiệm cho học sinh  - Tổ chức cân đo biểu đồ giai đoạn III cho trẻ  - Kiểm tra 1 số hoạt động theo kế hoạch kiểm tra CM  - Tham gia Hội thi Aerobic dành cho trẻ 5 tuổi cấp thị xã  -Kiểm tra hồ sơ giáo viên  -Họp tổ khối |
| Tháng  4/2023 | - Tham gia các hoạt động chào mừng ngày 30/4 và ngày Quốc tế 1/5.  - Kiểm tra 1 số hoạt động theo kế hoạch kiểm tra khối  - Tham gia tập huấn chuyên môn cấp tỉnh và triển khai cấp thị xã.  - Tổng hợp và xây dựng kế hoạch BDTX cho CBQL, GVMN năm 2023  - Tham gia Hội thi Aerobic dành cho trẻ 5 tuổi cấp tỉnh.( nếu có)  - Tham gia cuộc thi “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện” và sơ kết 02 năm thực hiện Chủ đề "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non cấp thị xã.  -Kiểm tra hồ sơ giáo viên  -Họp tổ khối |
| Tháng 5/2022 | - Tham gia cuộc thi “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện” và sơ kết 02 năm thực hiện Chủ đề "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non cấp tỉnh.  - Đón đoàn phúc tra thi đua  - Tham gia tập huấn CM do các cấp triển khai.  - Báo cáo cơ sở dữ liệu ngành cuối năm học 2022-2023.  - Tham gia tổng kết năm học  - Lập danh sách khen thưởng học sinh, danh sách HS hoàn thành chương trình.  -Họp tổ khối |

**IV.Tổ chức thực hiện**

Căn cứ vào nội dung kế hoạch năm học 2022- 2023 và dự kiến công tác của tổ khối , giáo viên xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022- 2023 phù hợp với tình hình thực tế của các lớp và triển khai thực hiện.

*Nơi nhận:*

*-Lưu hồ sơ tổ khối*

*-Giáo viên các lớp ( thực hiện)*

**TỔ KHỐI TRƯỞNG**

***Nguyễn Thị thu Ngà***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG MN HOA HƯƠNG DƯƠNG**  **TỔ KHỐI CHỒI VÀ LÁ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Thiện An, ngày 1 tháng 9 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG THÁNG 09 NĂM 2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG** | **NGƯỜI VÀ BỘ PHẬN THỰC HIỆN** | **KẾT QUẢ** |
| **1.Chuyên môn**  - Vào chương trình dạy ngày 5/9  - Tập huấn chuyên môn  - Kiểm tra vệ sinh trang trí và kí hiệu các lớp  - Thực hiện chủ đề “trường mầm non”, “bản thân”  - Chụp hình cho trẻ trải nghiệm làm lồng đèn vui tết trung thu  - Dạy trẻ nhớ kí hiệu đồ dùng học tập  - Nhận xét đánh giá trẻ cuối chủ đề, phê sổ bé ngoan  - Họp tổ khối cuối tháng  - Báo cáo số liệu đầu năm  **2.Chăm sóc &Nuôi dưỡng**  - Khám sức khỏe cân đo tổng hợp dõi sự phát triển về cân nặng của trẻ giai đoạn I  -Tuyên truyền phụ huynh phòng bệnh sốt xuất huyết, Covid 19, quai bị ..cho trẻ,đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia giao thông  **3.Các hoạt động khác**  - Tham dự lễ khai giảng  - Họp phụ huynh học sinh lớp đầu năm  -Tổ chức vui tết trung thu | - Tất cả GV  - KT  - TK +GV+PHT  - Tất cả GV  - GV  -GV  - TK- GV  - TK +GV  - GV  -GV  -CBGVCNV  - GV  -CBGVCN |  |

***Nơi nhận:***

*-Giáo viên các lớp ( thực hiện)*

**TỔ KHỐI TRƯỞNG**

***Nguyễn Thị thu Ngà***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG MN HOA HƯƠNG DƯƠNG**  **TỔ KHỐI CHỒI VÀ LÁ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Thiện An, ngày 1 tháng 10 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG THÁNG 10 NĂM 2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG** | **NGƯỜI, BỘ PHẬN THỰC HIỆN** | **KẾT QUẢ** |
| **1.Chuyên môn**  - Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học  - Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh  - Đăng ký thi đua năm học 2021-2022  - Tham gia tập huấn cấp phòng, cấp Sở  - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày 20/10  - Tổ chức khám sức khỏe cho học sinh các lớp  - Tổ chức dự giờ tiết dạy tốt  - Tổ họp tổ khối đánh giá chủ đề trường mầm non và thảo luận chủ đề bản thân và gia đình  - Kiểm tra một số hoạt động đầu tháng  - Duy trì sĩ số học sinh các lớp.  - Chụp hình cho trẻ trải nghiệm gấp quần áo, làm danh thiếp tặng bà, mẹ nhân ngày 20/10  - Kiểm tra hồ sơ sổ sách giáo viên  - Nhận xét đánh giá trẻ cuối chủ đề, phê sổ bé ngoan  - Họp tổ khối cuối tháng  - Tham gia họp chuyên môn cuối tháng  **2.Chăm sóc &Nuôi dưỡng**  - Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh  -Giáo viên nhắc nhỡ trẻ ăn uống đủ chất và vệ sinh tay chân sạch sẽ, mặc trang phục phù hợp phòng bệnh theo mùa và chân tay miệng...  **3.Công tác khác**  - Tham gia Hội nghị CBVC năm học 2021-2022  - Tham dự lễ 20/10 | -TK  -TK+GV  -TK+GV  -TK, BGH  - Tất cả các lớp  - Giáo viên + Y Tế  -TK+GV  -TK+GV  -TK+GV  -TK+GV  -TK+GV  -TK+GV  -TK+GV  -TK+GV  -TK+GV  -GV  -TK+GV  -TK+GV  -CBGVNV |  |

***Nơi nhận:***

*-Giáo viên các lớp ( thực hiện)*

**TỔ KHỐI TRƯỞNG**  ***Nguyễn Thị Thu Ngà***

1. [↑](#footnote-ref-2)
2. [↑](#footnote-ref-3)
3. Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. [↑](#footnote-ref-4)
4. Trong đó lưu ý triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Công văn số 1175/SGDĐT-KHTC ngày 12/08/2021 của Sở GDĐT về việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật, theo khoản 2, Điều 7 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-5)
5. Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2019-2025 [↑](#footnote-ref-6)
6. Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025. [↑](#footnote-ref-7)